TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 69/2017/HN&GĐ-ST.
Ngày 08 - 9 - 2017.
"V/v: Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH BÌNH THUẬN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Qúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Anh.

Bà Huỳnh Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Ông Cao Quốc Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 163/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2017, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2017/QĐXX-ST ngày 07 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Bùi Thị V, sinh năm 1962.

- *Bị đơn:* Ông Võ Văn T, sinh năm 1960.

Cùng nơi cư trú: Tổ 6, khu phố 9, thị trấn ĐT, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Thể hiện trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Bùi Thị V trình bày:

Về hôn nhân: Bà Bùi Thị V, ông Võ Văn T tự nguyện kết hôn vào năm 1991 tại Ủy ban nhân dân phường Đô Vinh, thị xã Phan Rang Tháp Chàm, tỉnh Thuận Hải (Nay là tỉnh Ninh Thuận). Qúa trình chung sống ông T nhiều lần có hành vi bạo lực gia đình, chửi rủa và đánh đập bà V. Mặc dù hai bên gia đình nội ngoại đã nhiều lần khuyên bảo

nhưng ông T vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hiện nay bà V không còn tình cảm yêu thương ông T nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Bà V, ông T có hai con chung là Võ Thị V A, sinh ngày 26/01/1992 và Võ Thị H A sinh ngày 24/12/1996. Hiện các con đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên bà V không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Võ Văn T:

Sau khi thụ lý vụ án mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp nhưng bị đơn ông Võ Văn T không có ý kiến gì, cũng không có yêu cầu phản tố và đều vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã thực hiện việc xác minh về tình trạng hôn nhân của bà Bùi Thị V, ông Võ Văn T (bút lục số 26) thể hiện đời sống tình cảm giữa bà V, ông T không có hạnh phúc. Ông T thường xuyên uống rượu kiếm chuyện gây gỗ, chửi bới đánh đập bà V vô cớ. Mặc dù hai bên gia đình nội ngoại đã nhiều lần khuyên bảo, động viên. Tuy nhiên, ông T vẫn không thay đổi từ đó bà V, ông T ít quan tâm, chia sẽ với nhau về các vấn đề trong cuộc sống gia đình.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện về quyền và nghĩa vụ của đương sự được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Thị V đối với ông Võ Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Việc khởi kiện của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa xác định được quan hệ cần giải quyết là tranh chấp về ly hôn.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Tòa án đã tống đạt các thủ tục phiên tòa cho ông Võ Văn T theo đúng quy định, nhưng bị đơn ông T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đề nghị Hội

đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định. Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Bùi Thị V, ông Võ Văn T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, do chung sống không hạnh phúc nên bà Bùi Thị V đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn đối với ông Võ Văn T. Thấy rằng hạnh phúc vợ chồng phải được xây dựng từ hai phía. Thế nhưng sau khi nảy sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng đã được hai bên gia đình nội ngoại khuyên bảo, động viên để chung sống nhưng không có hạnh phúc. Bản thân ông T mặc dù đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng đều không tham gia, cũng không có ý kiến gửi Tòa án, để Tòa án hòa giải đoàn tụ. Điều đó, thể hiện tình trạng mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa bà V, ông T đã kéo dài, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần xem xét xử cho bà V được ly hôn với ông T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về án phí: Cần buộc nguyên đơn bà V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 146, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị V được ly hôn với ông Võ Văn T.

2. Về án phí: Bà Bùi Thị V phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0012981, ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Bà Bùi Thị V đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 08/9/2017. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Đức Linh;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Đức Tài;
- C.C Thi hành án dân sự huyện Đức Linh;
- Lưu HS, án văn.

Nguyễn Văn Qúy